TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Lê Thị Hương;
2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V** 24 tuổi
Địa chỉ: Thôn 4 xã ĐQ- huyện L- tỉnh Y, có mặt.
Bị đơn: Anh **Triệu Văn S** 30 tuổi
Địa chỉ: Thôn 4 xã ĐQ- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11-02-2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh Triệu Văn S về sống chung năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đến tháng 12 năm 2016 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐQ- huyện L- tỉnh Y. Những năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S hay rượu chè, cờ bạc lô đề, không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau, nhiều lần anh S còn đánh chị. Mặc dù gia đình đã khuyên nhủ nhưng anh S không thay đổi. Do không chịu được cuộc sống như vậy nên đầu năm 2020 chị đã bỏ đi làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ đó. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh Triệu Văn S có ba cháu là Nguyễn Thị H sinh ngày 31-8-2013, Triệu Thu H1 sinh ngày 05-5-

2015 và Triệu Thu H2 sinh ngày 08-6-2018. Khi ly hôn chị sẽ nuôi cháu H, anh S sẽ nuôi cháu H1 và cháu H2; hàng tháng chị chu cấp nuôi cháu H1 và cháu H2 500.000 đồng/1 cháu. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Triệu Văn S vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị V được ly hôn với anh S; giao cháu Nguyễn Thị H cho chị V, giao hai cháu Triệu Thu H1 và Triệu Thu H2 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 và cháu H2 mỗi tháng 500.000 đồng/1 cháu. Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị V và anh Triệu Văn S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã ĐQ- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Triệu Văn S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Triệu Văn S kết hôn năm 2016, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau*

chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị V- anh S không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau. Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị V khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị V và anh S đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V và anh S có ba cháu là Nguyễn Thị H sinh ngày 31-8-2013, Triệu Thu H1 sinh ngày 05-5-2015 và Triệu Thu H2 sinh ngày 08-6-2018. Qúa trình giải quyết vụ án chị V đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị H, để anh S nuôi hai cháu Triệu Thu H1 và Triệu Thu H2, hàng tháng chị sẽ chu cấp nuôi cháu H1 và cháu H2 mỗi cháu 500.000 đồng.

Xét hoàn cảnh thực tế cả chị V và anh S đều đi làm xa, cháu Nguyễn Thị H đang ở cùng ông bà ngoại có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Triệu Thu H1 và Triệu Thu H2 đang ở cùng ông bà nội, cháu H1 có nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập, cần giao cháu Nguyễn Thị H cho chị V, giao hai cháu Triệu Thu H1 và Triệu Thu H2 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 và cháu H2 mỗi tháng 500.000 đồng/1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị V không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Triệu Văn S.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cháu Nguyễn Thị H sinh ngày 31-8-2013 cho chị Nguyễn Thị V; giao hai cháu Triệu Thu H1 sinh ngày 05-5-2015 và Triệu Thu H2 sinh ngày 08-6-2018 cho anh Triệu Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 và cháu H2 mỗi tháng 500.000 đồng/1 cháu kể từ khi xét xử sơ thẩm (Ngày 19 tháng 5 năm 2022) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng. Xác nhận chị V đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002167 ngày 11-02-2022; số tiền chị V còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Triệu Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã ĐQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô